

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03-10-2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Đại

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 652/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Y; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Minh T, luật sư Công ty Luật TNHH I - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Trọng T; nơi cư trú: Số 2/159 (số cũ 6/159) đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 09/4/2018, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1992, chị Trịnh Thị L và anh Vũ Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hưng Yên) ngày 20/11/1992. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường tại địa chỉ số 2/159 (số cũ 6/159) đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ lâu, do anh T thiếu trách nhiệm với vợ con, hàng tháng không đưa tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, mọi việc trong gia đình đều do chị L lo liệu. Anh chị thường xuyên cãi vã, thỉnh thoảng xảy ra xô xát; anh T còn chửi bới, xúc phạm chị L; giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 3/2017, anh T đã đuổi chị L ra khỏi nhà và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị L chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn X, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Từ khi sống ly thân, anh chị không quan đến nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị L xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh T có một con chung là Vũ Trọng T, sinh ngày 16/8/1993. Khi ly hôn, cháu Vũ Trọng T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L trình bày anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Trọng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, trong phiên hòa giải tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân quận N, anh Vũ Trọng T sau khi trình bày quan điểm đã bỏ về và không ký biên bản hòa giải trước sự chứng kiến của hòa giải viên. Quan điểm của anh T như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với quan điểm của chị L về điều kiện và quá trình kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày. Hiện nay anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị L, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh đề nghị được hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có một con chung như chị L đã trình bày. Hiện nay cháu Vũ Trọng T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt hai lần tại phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lý được ly hôn với anh T. Con chung cháu Vũ Trọng T đã thành niên (trên 18 tuổi) nên không xem xét giải quyết; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Trọng T cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 18/4/2018 đến ngày 17/8/2018 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Vũ Trọng T đến Tòa án nhiều lần nhưng không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản cho bị đơn được vì anh Thành không có mặt tại địa chỉ số 2/159 (số cũ 5/159) đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt cho anh T đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, trụ sở Ủy ban nhân dân phường L và tại nơi cư trú của anh T các văn bản như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 14/9/2018, anh Vũ Trọng T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn

phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết đơn khởi kiện tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, bị đơn anh Vũ Trọng T sau khi trình bày quan điểm đã bỏ về và không ký biên bản hòa giải trước sự chứng kiến của hòa giải viên.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[4] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị L đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Theo chị L trình bày và tài liệu xác minh, Tòa án xét thấy mâu thuẫn chị L và anh T đã phát sinh từ lâu, căng thẳng từ khoảng đầu năm 2017 đến nay. Nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã; anh T không quan tâm, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con; đôi khi cư xử không đúng mực với chị L. Do mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để giải phóng. Dù mong muốn hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không có mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Trịnh Thị L và anh Vũ Trọng T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[5] Chị L và anh T có một con chung như anh chị đã trình bày. Con anh chị là cháu Vũ Trọng T đã thành niên (trên 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản chung:

[6] Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Vũ Trọng T.

2. Về con chung:

Chị Trịnh Thị L và anh Vũ Trọng T có một con chung là Vũ Trọng T, sinh ngày 16/8/1993. Khi ly hôn cháu Vũ Trọng T đã thành niên (trên 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Trịnh Thị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trịnh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14557 ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Trịnh Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Vũ Trọng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường L, quận N, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu